

TRUYỀN THUYẾT QUẢ DƯA HẦU – MAI AN TIÊM TỪ GÓC NHÌN XÃ HỘI HỌC LỊCH SỬ

TRẦN CAO SƠN*

Trong kho tàng văn hoá, truyền thuyết giữ một vị trí quan trọng. Nó phản ánh các quan niệm của người xưa trước các hiện tượng tự nhiên, xã hội.

Truyền thuyết Quả dưa hầu - Mai An Tiêm có chung giá trị đó. Nó góp phần lý giải vì sao Nga Sơn có quả dưa đỏ nổi tiếng và có dòng họ Mai co cụm đông đúc; tại sao có hòn núi mang tên Mai An Tiêm và những mối liên hệ xã hội liên quan đến số phận của chàng hoàng tử thời sơ sử.

Bên cạnh cái mẫu số chung: sự tích Quả dưa hầu và Mai An Tiêm cũng chỉ là truyền thuyết, là truyện dân gian như ngàn vạn câu chuyện dân gian và sự tích khác, thì ở đây nó còn có một đặc trưng rất riêng, đó là vì nó gắn với mảnh đất, ngọn núi, tên người và một dòng họ Mai có thực. Mảnh đất Nga Sơn được biểu tượng như thánh địa của dòng họ này. Nó vừa là truyền thuyết, vừa là dã sử, lại cũng vừa là hình bóng của lịch sử. Từ chính truyền thuyết, người xưa đã cung cấp cho chúng ta những cứ liệu tham chiếu về một thời đại rất đáng quan tâm: thời đại Hồng Bàng - Nhà nước Văn Lang của các Vua Hùng.

Núi Mai An Tiêm.

Trước hết khẳng định dưa hầu có ở nhiều nơi trên thế giới, kể cả châu Âu, châu Phi, châu Mỹ. Đây là loại quả được sản xuất và sử dụng rất sớm của loài người. Như vậy, dưa

hầu vùng Nga Sơn của Mai An Tiêm chỉ là một nơi có xuất xứ sớm, và đặc biệt ở chỗ nó gắn với truyền thuyết về cuộc đời chủ nhân của nó. Quả dưa ở đây được coi như một nguyên nhân, một giá trị liên quan đến việc làm thay đổi số phận một con người tiêu biểu trong hoàn cảnh bi thương và nhạy cảm.

Truyền thuyết Quả dưa hầu – Mai An Tiêm gắn liền với địa danh Nga Sơn. Vùng đất Nga Sơn được cấu tạo từ ba hệ trầm tích cơ bản:

- Trầm tích lục địa: tức là vùng trầm tích đã có sẵn từ buổi khai sơn lập địa mà con người có thể đến cư trú.

- Trầm tích đại dương: xuất hiện trong quá trình biển lùi, tạo ra vùng đất ở và canh tác mới muộn hơn.

- Trầm tích phù sa: được tạo ra do quá trình bồi đắp của phù sa sông Hồng và sông Thái Bình khoảng bốn năm trăm năm trở lại đây. Từ kết quả của các công trình trị thủy diễn ra dưới các thời Lý - Trần - Lê, hệ thống đê điều sông Hồng và sông Thái Bình vững chắc, tạo cho dòng chảy đưa thẳng phù sa xuống cửa biển tạo nên các vùng đất bồi khổng lồ này.

Vùng đất thuộc trầm tích phù sa muộn lẫn những thế kỷ gần đây của Nga Sơn cùng thời với vùng phù sa của Tiền Hải - Thái Bình và Kim Sơn - Ninh Bình. Do hai vùng đất trên ở gần cửa sông nên lượng phù sa lớn, diện tích phù sa rộng. Năm 1829, đại danh điền Nguyễn Công Trứ cho dân khai hoang

* PGS. TS. Viện Xã hội học

lập ấp. Ông đã làm bản tâu trình và được vua Minh Mạng ký sắc lệnh thành lập hai huyện nói trên cho hai tỉnh. Nga Sơn ở đuôi dải phù sa, diện tích bồi đắp không nhiều, khoảng mấy chục cây số vuông. Cư dân phía bắc xuống khai khẩn thành các xã Nga Thái, Nga Phú, Nga Điền, Nga Liên, Nga Thanh, Nga Thủy với nghề trồng cói và dệt chiếu là chính trong vài trăm năm trở lại. Câu thơ " *Chiếu Nga sơn gạch bát Tràng*" (Tổ Hữu) là nói đến chiếu của các xã này. Cuộc bồi đắp phù sa vẫn tiếp diễn, Nga Sơn có hệ rừng ngập mặn phong phú, đa dạng về sinh thái biển. Do thiếu đất ở và canh tác, từ thập niên sáu mươi của thế kỷ trước người dân Nga Sơn đã ra định cư, thành lập hai xã mới là Nga Tân và Nga Tiến. Đây là dân tổng hợp của nhiều làng nhiều xã trong vùng đất cũ mà thành, trong đó cũng có rất nhiều người thuộc dòng họ Mai. Rừng ngập mặn biến mất trước sức tấn công của con người.

Trong ba hệ quần thể trầm tích nói trên thì trầm tích đại dương là chủ đạo nhất, tức là hệ trầm tích được tạo ra do quá trình biển lùi. Diện tích chính của Nga Sơn là vùng đất cát pha. Cư dân sinh sống đầu tiên cũng nhờ có biển lùi mà có đất ở. Dòng họ Mai của Mai An Tiêm cư trú chủ yếu trên đất của hệ trầm tích này. Họ vừa trồng cây lúa nước vừa canh tác hoa màu đủ loại, trong đó có dưa hấu. Chính truyền thuyết này phản ánh một phần lịch sử dân tộc ta dưới thời đại các Vua Hùng.

1. Đạo nghĩa Quân thân -Phụ tử

Trong truyền thuyết Quả dưa hấu – Mai An Tiêm lưu truyền hết đời này đến đời khác đều có chung một nội dung: Mai An Tiêm là con trai vua Hùng thứ tư, là một người thông minh, cần cù và cương nghị. Một lần vô tình nói với vua cha " Cửa biểu là của lo; của cho là của nợ" đã bị vua cha bắt đi đầy ngoài

hoang đảo vì tội bất kính, khi quân. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, sóng to gió lớn, Mai An Tiêm đã đến một hoang đảo đầy chim muông và thú dữ. Ông và gia quyến đã bị giam cầm ở đây không hẹn ngày về, không có mối liên hệ với đất liền và quê nhà. Vốn là người bản lĩnh, ông đã cùng vợ lao động cần cù, vượt qua hiểm nguy để tồn tại. May có con chim đánh rơi mảnh dưa hấu ăn dở, ông phát hiện ra đó là giống quả quý nên đã trồng nó và thả vào đất liền để mọi người biết và chung hưởng. Cũng tình cờ nhờ quả dưa có dấu tích đến được tay vua cha do dân sở tại cung tiến, vua cha mới khen công trạng và cho thuyền đón Mai An Tiêm trở về triều đình. Thế rồi ngọn núi ấy mang tên Mai An Tiêm, vùng đất ấy có con cháu họ Mai đầy đàn, có nghề trồng dưa đỏ nổi tiếng muôn phương.

Người đời sau thường hay lướt qua những chi tiết tưởng như vụn vặt để tiếp cận cái bề mặt của cốt truyện, đó là vì sao ngọn núi có tên Mai An Tiêm, vì sao Nga Sơn có dưa đỏ ngon lành, và vì sao có nhiều cư dân mang dòng họ Mai như vậy. Câu chuyện còn nhằm ca ngợi tính lao động cần cù của một diện hạ người Việt xa xưa. Cái triết lý trời có mắt, ở hiền gặp lành, có công mài sắt có ngày nên kim, lao động là vinh quang v.v... cũng rậm rịch vây quanh cốt truyện.

Nhưng, bản chất tư tưởng của truyền thuyết không dừng lại ở đó, nó cao cả và sâu sắc hơn nhiều. Rất có thể chúng ta đã không hiểu đúng thâm ý sâu xa mà người xưa muốn nhắn nhủ chúng ta thông qua câu truyện này.

Thời đại các Vua Hùng tồn tại bao nhiêu năm, có mấy chục triều vua, chăn dân, trị nước ra sao... chưa ai biết chính xác. Chỉ biết cách đây mấy nghìn năm, khi Trung Quốc có Thần Nông, Phục Hy, Nghiêu Vương, Thuần

Đế, có Ân -Hạ - Thương- chu, Xuân Thu, Chiến Quốc ... thì ở Việt Nam đã có vua Hùng cai quản, giang sơn riêng bờ cõi. Bằng sự thất bại của An Dương Vương Thục Phán gắn với oan tình My Châu - Trọng Thủy, Nước Văn Lang - Âu Lạc mất vào tay ngoại bang. Thế có nghĩa là, trước đó, trong tâm linh người Việt, các vua Hùng gắn với giang sơn cảm tú đã được minh định rạch ròi. Đó là chân lý vĩnh hằng của nhân gian.

Truyện thuyết đã làm chúng ta chạnh lòng về tình người, về đạo quân thần, phụ tử thuở bình minh của dân tộc, nhất là nó lại diễn ra chốn cung đình với bậc chí tôn của muôn dân bách tính.

Của biểu là của lo, của cho là của nợ. Giả thiết, nếu đây thật sự là câu nói của hoàng tử Mai An Tiêm với vua cha như trong truyền thuyết thì cũng có nghĩa ngay từ thuở Hồng Bàng títt mù đã có sự biểu - cho -lo - nợ vây rập lẫn nhau. Giả thiết, nếu đây chỉ là một câu châm ngôn dân gian để chỉ một triết lý sống, được ra đời muộn hơn nhưng hậu thế đã cố gán cho nó vào cái thời Hồng Bàng xa xăm để tăng thêm sức thuyết phục và kịch tính của câu chuyện, thì chí ít cũng phản ánh rằng ở thời các vua Hùng đã có một thể chế chính trị - xã hội khá chặt chẽ, đủ sức trở thành một vật mang, giá đỡ cho sự tồn tại các triết lý liên quan đến mối quan hệ phức tạp trong xã hội mà đời sau có quyền gửi gắm. Của cho và của biểu ở đây không mang tính thông thường mà là quà cáp dâng lên vua kèm theo ý đồ trục lợi, mặc cả của đám gian thần. Chốn cung đình tôn nghiêm đã trở thành nơi nhưc nhối trong quan hệ người với người trước sự biểu, sự cho.

Chỉ một câu nói đã chạm nọc nhà vua đến mức phải tìm cách đẩy con đi hoang đảo.

Người xưa có câu "Hổ còn không nở ăn thịt con, huống chi là người". Ở đây, người hại con không phải ai khác, mà chính là cha đẻ, là quân vương. Kẻ cứu anh lại chính là con chim lạ. Thế mới biết cuộc đời lắm nỗi oái oăm.

Cha của Mai An Tiêm chỉ là một vị vua trong thời đại Vua Hùng. Không vì một hành vi cá biệt của ông mà quy kết cả một thời vàng son của dân tộc. Hoàn toàn đúng. Có điều từ câu chuyện truyền tụng trong nhân gian và in ấn công khai trên sách báo, giấy trắng mực đen suốt bao đời nay cho lớp trẻ học tập lại dẫn ra trường hợp hàm chứa nhiều trắc ẩn. Từ câu chuyện, người đọc có quyền rút ra mấy điểm cơ bản:

1. Từ thời xa xưa của biểu, của cho đã xuất hiện và trở thành tệ nạn, trở thành nỗi lo và món nợ giữa người với người, đặc biệt là trong quan hệ quân - thần.

2. Mâu thuẫn về quan niệm biểu-lo-cho- nợ đã đạt đến đỉnh cao, chuyển từ sự bất đồng quan điểm đến sự xung đột quyền lợi, không đội trời chung, mang mâu thuẫn đẳng cấp xã hội.

3. Tính tàn bạo của một vị vua khi quyền uy và lợi ích bị xúc phạm. Đó là đặc trưng mang tính bản chất của một nền chuyên chế phương đông ngay từ buổi khai sinh.

4. Nói tiếp vua cha, Mai An Tiêm khi trở về kinh đô không mang theo con, tất cả để lại nơi hoang đảo. Phải chăng vì vậy mà ngày nay Nga Sơn hiện diện lắm hậu duệ của ông đến thế.

Những tư tưởng vừa nêu trên đây được thể hiện trong nội dung truyền thuyết mà bất cứ đọc giả nào chịu khó đọc chậm cũng có thể nhận ra. Nó nằm ngay trong câu chữ của truyền thuyết, không phải tùy tiện suy diễn¹.

Những điều được rút ra về thời Hồng Bàng từ chính truyền thuyết.

Là người Việt Nam, chúng ta tự hào về thời đại các Vua Hùng dựng nước. Nhưng trong cái tổng thể ấy, không phải không có những cái để hậu thế phải suy ngẫm, xem xét và đánh giá.

Vậy căn nguyên của cái xót xa và tội lỗi thể hiện trong cốt truyện dân gian từ đâu mà ra? Câu trả lời giản đơn, đó là sản phẩm của nền chuyên chế vì quyền lợi kinh tế và chính trị. Người xưa muốn nhấn lại hậu thế thông qua truyền thuyết chính là chỗ này.

Các thế kỷ gần đây, nhiều ý kiến tranh luận về thời Nghiêu - Thuấn Trung Hoa. Đại bộ phận dân chúng, thông qua các sử liệu để lại đều ca ngợi các vị vua hiền gắn với thời trị nước hoàng kim của họ. Đó cũng là điều dễ hiểu, vì lịch sử nói thế thì biết thế. Các học giả căn cứ các mối quan hệ bản chất của sự vật thì đánh giá thời Nghiêu - Thuấn theo một quan điểm khác. Một số cho rằng, đây là thời đại man khai, chưa có của cải, chưa có phân tầng xã hội kẻ giàu và người nghèo. Vua chưa có bổng lộc và quyền uy gì lớn nên việc thực hiện dân chủ, gần dân, khuyến nông, cùng dân cày ruộng và nhường ngôi là chuyện không lớn. Có người nghĩ khác hơn, cho rằng thời ấy chưa có sử gia ghi chép, toàn nghe theo truyền khẩu với sự ca tụng xằng bậy, sự thật chắc không phải như vậy v.v và v.v. Các tài liệu chính sử Trung Quốc về thời này cũng hiếm.

Tôi nhớ hồi nhỏ cha tôi có đọc cho tôi nghe một câu đối liên quan đến hai vị vua Tào vừa nêu trên do một nho sĩ nào đó viết ra thời trước. Cha tôi nói tên nhưng tôi đã quên. Câu đối vừa được hiểu theo nghĩa chữ Nôm, vừa được hiểu theo nghĩa chữ Hán, hiểu theo

cách nào cũng có lý, mặc dầu nghĩa của nó lại đối nghịch nhau.

*Thượng ung tai hạ ung tai ia đầu lại
Vương Nghiêu chí đức*

*Quân tắc cổ thần tắc cổ đài hàm quan Đế
Thuấn minh công*

Nghĩa Nôm của hai câu đối thì đọc giả chắc đã hiểu, vừa tục vừa tinh, tỏ ý khinh bỉ bọn vua quan, không loại trừ cả ông Nghiêu, ông Thuấn thời xưa. Theo nghĩa Hán thì được hiểu ngược lại, tức là cả quan trên, quan dưới, cả quân cả thần đều phải hướng về các tấm gương của người xưa mà học tập, mà noi gương, đặc biệt là chí đức công minh của hai vị Nghiêu - Thuấn siêu phàm. Thế mới biết cái thâm thúy của chữ nghĩa. Mục đích cơ bản của câu đối là ở chỗ thời Nghiêu - Thuấn xa vời, khen cũng được mà chê cũng chẳng sao, nó chả có căn cứ nào cho sự đánh giá. Người ta mượn hai cụ xài chơi, cùng hai cụ chửi lũ tham quan ô lại đương thời.

Cách nhìn về Nghiêu - Thuấn đã vậy, cách nhìn về thời Vua Hùng cũng nên thấu đáo hơn.

Truyền thuyết Mai An Tiêm và Quả dưa đỏ vẫn tồn tại trong lòng nhân gian không phai mờ. Thông qua những hạt nhân lịch sử hiện hữu trong truyền thuyết giúp chúng ta tiếp cận từng bước việc nghiên cứu, tìm hiểu xã hội Việt Nam và cơ cấu Nhà nước Việt cổ.

Thứ nhất: Thông qua truyền thuyết, cho phép chúng ta hình dung về lãnh thổ quốc gia Việt cổ trước công nguyên, đã theo hướng mở dọc xuống phương nam. Từ truyện Mai An Tiêm ở Nga Sơn đến truyện Thục Phán An Dương Vương đưa My Châu chạy nạn ra tận bờ biển Nghệ An với một kết cục bi thương, cho phép ước đoán về một nước Việt rộng

lớn, có thể kéo dài đến tận đèo Ngang, đèo Hải Vân và xa hơn nữa.

Thứ hai: Triết lý trị nước, chấn dân, quan hệ quân - thần - phụ - tử kiểu Khổng Giáo đã có ngay trong lòng thời đại Vua Hùng, nó được sinh thành và tồn tại tự nhiên trong nền chuyên chính tập quyền. Chẳng cần phải chờ đến Tứ Thư - Ngũ Kinh từ Trung Quốc tràn vào mới có. Cơ chế xã hội sản sinh ra triết lý tương xứng, đồng thuận.

2. Một Nhà nước tập quyền sơ khai

Nhà nước thời Hùng Vương là thiết chế của nhà nước tập quyền sơ khai. Vua là kẻ thống trị tuyệt đối. Tư tưởng mang hình bóng tam cương, ngũ thường cũng từ đó mọc ra, lớn mạnh và đầy sức kiêu toả trong lòng xã hội. Vua bắt chết, thần phải chết. Dù là cha con nhưng với Vua Hùng thì Mai An Tiêm là đạo quân thần, không thể chống lệnh. Vua bắt đi đây, phải đi; vua cho gọi về, phải về.

Song nhà nước chuyên chế thời kỳ này chưa đạt đến độ hoàn chỉnh, chưa có sự thống nhất từ trên xuống dưới và phủ kín mọi vùng miền. Một sự hỗn dung các hình thái xã hội trong cùng một lãnh thổ. Bên cạnh thiết chế hướng về vua là chủ đạo thì kiểu thiết chế bộ lạc nguyên thủy, cộng đồng thôn xã biệt lập cùng tồn tại và đều phụ thuộc ở mức độ khác nhau, hình thức khác nhau trước vua như trước một ông trùm khổng lồ.

Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, đó là vấn đề cơ bản của triết học Mác-xít. Một thiết chế vua - tôi tập quyền với yêu cầu tồn tại và phát huy ảnh hưởng chỉ có thể có được khi có một hệ ý thức tương ứng làm công cụ. Các nội dung Nho giáo mà các nhà tư tưởng Trung Quốc trình diễn trên sân khấu chính trị Trung Hoa cổ đại thực chất chỉ là sự tập hợp và hệ thống hoá những phép tắc trị nước

đang hoạt động tản mạn trong thực tiễn xã hội từ cả ngàn năm trước đó. Nó là thuộc tính, là phần hồn của chuyên chế tập quyền. Nhiều lắm các trước tác chỉ có giá trị hoàn chỉnh, nâng lên thành giáo lý nhằm thúc đẩy và củng cố vững chắc thêm cho nền đế chế phong kiến đương thời.

Với những cứ liệu lịch sử mà chúng ta thu lượm được, tuy không nhiều, cũng đủ căn cứ về sự tồn tại xã hội Việt cổ thời Vua Hùng, đó là một thể chế tập quyền sơ khai. Triết lý trị dân của nó về bản chất cũng mang hình bóng Nho giáo của quốc gia láng giềng phương Bắc.

Nếu ai cho rằng chỉ từ thế kỷ X, sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán (năm 938), giành lại độc lập sau nghìn năm Bắc thuộc, xây dựng được nền tập quyền thống nhất trên một quy mô mới; hoặc dưới thời Lý - Trần cường thịnh, Nho giáo mới xâm nhập vào Việt Nam và phát huy ảnh hưởng, thì thật sự chưa thoả đáng, không logic với bản chất lịch sử. Quan niệm Nho giáo máy móc theo kiểu chữ nghĩa thư nọ, kinh kia được nâng lên tầm giáo lý trị nước gắn với các ông Khổng Khâu - Mạnh Kha - Tôn Tử, thì có thể đúng phần nào. Còn nếu hiểu Nho giáo như một bản chất, một linh hồn, một nguyên tắc của chuyên chế tập quyền thì ở thời Việt cổ vua Hùng đã hiện diện.

Sau khi Nhà nước Âu Lạc bị mất vào tay Triệu Đà, nước ta biến thành nơi không có thể chế chính trị nào hết, mà chỉ còn là một vùng đất nằm dưới sự điều khiển của các quan giám binh Trung Hoa, thả sức đào bới của cải và sức người bản địa. Các triết lý trị nước thời vua Hùng hoà tan vào đời sống dân gian².

3. Một nền văn hoá ổn định và bền chặt

Tính tương đồng văn hoá vùng địa lý Bách Việt cổ xưa là sự tương đồng hồn nhiên do quá trình vận động của lịch sử, là tài sản chung của cư dân cùng tạo ra, họ có quyền bảo tồn, phát triển và không phải băn khoăn về sự giống hay không giống nhau. Nhiều quan điểm cực đoan thường hay quy chiếu khái niệm đồng hoá, thôn tính cho thời kỳ này một cách máy móc đã vô tình đánh mất cái hiện thực đáng trân trọng mà con người cùng nhau gây dựng từ trước đó hàng vạn năm. Ngay Châu Âu văn minh là vậy mà chỉ sau khi đế quốc La Mã suy tàn, các quốc gia mới dần dần hình thành và phải mất hàng thế kỷ đổi thay chuyển dịch mới tạo được sự ổn định về lãnh thổ, ngôn ngữ và văn hoá. Tính tương đồng tự nhiên của các quốc gia Châu Âu là sản phẩm tự nhiên của lịch sử Châu Âu, không nên dùng các thiên kiến chính trị can thiệp vào cái mẫu số tương đồng ấy.

Nếu nghiên cứu những nét văn hoá vùng Trung Hoa sát Việt Nam thì thấy nhiều điểm giống nhau đến kỳ lạ. Nó xuất hiện trước khi con người hình thành ý đồ thôn tính và đồng hoá. Khó ai biết rằng ở cái thời xa xăm ấy Hoa đồng hoá Việt hay Việt đồng hoá Hoa trên vùng Tây Nam Hoa Hạ lam chướng nghìn trùng này. Đây chính là địa giới hoang sơ mà anh em Lưu - Quan - Trương thời Tam Quốc không còn nơi dung thân phải đành lòng chấp nhận để xây dựng lên Nhà nước Tây Thục hội đầu công nguyên. Cả một vùng đất nghèo nàn và lạc hậu cận kề Việt Nam đâu phải là sức mạnh để đồng hoá một dân tộc có nền văn minh Sông Hồng phát triển ở trình độ cao.

Khi có sự xâm lược chính thức Việt Nam cách đây hơn 2000 năm thì nền văn hoá Việt Nam mang bản sắc riêng về cơ bản đã ổn định. Những dấu ấn Văn hoá Việt cổ trên đất

Trung Quốc hay những dấu ấn văn hoá Trung Hoa trên đất Việt mà chúng ta nhận thấy âu cũng là sự giao thoa, cho nhận lẫn nhau từ mấy ngàn năm trước.

Nước mát nhưng làng không mát; mát phép vua nhưng còn lệ làng. Mỗi làng Việt được hình thành trong quá trình thiên di xuống Châu thổ Sông Hồng đã có một phong cách riêng. Tính cố kết bền vững và mang đặc trưng như một cái File lưu giữ huyền diệu với một mật mã độc đáo không dễ dàng thâm nhập và hoá giải. Chính Trung Hoa cũng không hiện diện mô hình làng xã bền chặt này. Đây chính là căn cứ cho sự trường tồn mãnh liệt mà sau gần một nghìn năm Bắc thuộc, nó vẫn đủ sức vươn lên giành lại dân tộc.

Đó chính là trình độ văn minh của Nhà nước thời đại Vua Hùng.

Sau những thế kỷ gián đoạn, nền đế chế tập quyền Việt Nam trở lại thì triết lý phong kiến cũng hồi sinh. Có điều lần này nó được hiện diện dưới dạng "ngoại nhập" sách - chữ - chương - mục - nhãn mác - đại kiện, do các vị đại nho Trung Quốc biên soạn hoàn hảo hơn, mang thương hiệu Nho giáo. Cũng phải trải qua các triều đại Tống-Đường thịnh trị, cơ chế văn hoá Trung Hoa mới có đủ khả năng tiếp cận và thâm nhập vào các nền văn hoá khác theo một quy mô mới, trong đó có Việt Nam.

Nếu không có một cơ địa xã hội, một tồn tại xã hội tương thích kiểu Ngô -Đinh -Lê- lý - Trần thì các triết lý vào đất Việt cũng sẽ trở thành vô nghĩa, không có đất dung thân.

Xây dựng một triết lý mới hoặc áp dụng một triết lý, một học thuyết cho một tồn tại xã hội không phù hợp hoặc chưa đủ sức chấp nhận và dung dưỡng là cách đi ngược, đôi

khi trở thành lực cản cho sự phát triển tự nhiên của tồn tại xã hội vốn có. Những đích đặc lịch sử nhiều khi cũng từ đó mà ra.

Truyện thuyết không phải là lịch sử mà chỉ là sự phản quang lịch sử. Chúng ta không lẫn lộn hoặc đồng nhất các yếu tố mang hình thức lịch sử có trong truyện thuyết với hiện thực lịch sử. Nhiều lắm cũng chỉ được phép mổ xẻ cái khối truyện thuyết đồ sộ và hỗn dung đã sử để thu lượm bên trong nó những hạt nhân lịch sử hợp lý. Những hạt nhân lịch sử hợp lý hiện hữu trong truyện thuyết này có tính logic với các sử liệu khác đã cho phép chúng ta khái quát và sơ bộ nhận định về hiện thực tư tưởng thời đại các vua Hùng như đã nêu ở trên. Cái tuyệt vời của truyện thuyết chính là ở tính thực thực ảo ảo và không rành mạch của nó, vừa có, vừa không, hiện hữu trong logic tâm linh, nhưng lại phi logic ở các chứng cứ hiện hữu. Cái nghiêm cần và cái thăng hoa hoà trộn trong nhau. Truy nguyên đến tận cùng chân lý thì sẽ là một ảo tưởng, một sai lầm trầm trọng, vô tình đánh mất cái hồn thiêng trong đặc trưng truyện thuyết.

Truyện thuyết là của dân gian tạo ra, truyền đời này qua đời khác, ai muốn cảm nhận nó theo góc độ nào tùy ý. Mọi người Việt Nam đều có chung quyền lợi thụ hưởng tinh hoa và cùng nhau chia sẻ những trắc uẩn từ đó mà ra. Thiết nghĩ, truyện thuyết Mai An Tiêm gắn với quả dưa hấu Nga Sơn cũng chỉ đủ căn cứ cho sự suy luận đến mức độ đó.

Đáng tiếc, trong những năm gần đây, trước yêu cầu tôn tạo, trùng tu, bảo quản và phát triển di sản văn hoá, cả vật thể và phi vật thể, nhiều nơi nhiều người đã đi hơi quá bước. Họ đã viết lại truyện dân gian, bịa ra truyện thuyết với bố cục chặt chẽ, hợp lý, chấm phá các chi tiết ly kỳ, quái đản nhằm tạo lực hút cho những người mê tín và khách

du lịch hiếu kỳ phương xa. Đó là một lỗi lầm của truyện thuyết và văn hoá.

May mắn thay, truyện thuyết Mai An Tiêm và Quả dưa đỏ không chịu chung cảnh ngộ. Những gì hiện diện trong truyện thuyết này đã mang giá trị phản ánh một hiện thực hoặc chí ít cũng biểu đạt một quan niệm của cha ông ta từ ngàn năm trước về thời đại các Vua Hùng vẫn được giữ gìn nguyên bản. Hậu thế có quyền tự hào; có quyền phán xét. Cũng từ đây, truyện thuyết đã cho chúng ta những ý niệm về xã hội Việt Nam thời Hồng Bàng; đó là một quốc gia, một dân tộc có văn hoá và chính trị độc lập, vào loại sớm nhất thế giới. Cái chúng ta cảm nhận được từ truyện thuyết này, âu cũng là những bài học quý trong việc xây dựng nhân cách, đạo làm người, làm cha, trong cách ứng xử các mâu thuẫn cá nhân và xã hội.

Chú thích

1. Tham chiếu truyện thuyết Mỹ Châu – Trọng Thủy

Cái chết của Mỹ Châu là bản cáo trạng đối với An Dương Vương - Thục Phán. Tại sao Mỹ Châu phải chết oan khuất như vậy? Lòng tin chồng và đưa cho chồng những cái mà Mỹ Châu đang có trong tay là điều thông thường của tình phu thê kết tóc xe tơ, trung thực và tin yêu. Điều đó không đồng nghĩa với việc trao bí mật quốc gia vào tay giặc. Với tâm hồn trong trắng của người con gái mới lớn, làm sao Mỹ Châu hiểu được rằng Trọng Thủy là kẻ thù, phải cảnh giác. Cuộc tình của hai người do Triệu Đà khởi xướng và được Thục Phán chấp nhận một cách tự giác. Chính Thục Phán cho phép Trọng Thủy vào ở hẳn trong cung nên các bí mật quân sự mới bị bại lộ, dẫn đến hậu quả.

Người chủ quan, thiếu cảnh giác chính là Thục Phán, cây có nõ thần, có thành cao hào sâu, trông chờ vào quan hệ hữu hảo mong manh. Cái kết cục tất yếu sẽ xảy ra.

Trước dân tộc và trước lịch sử, Thục Phán là tội đồ.

Đã như vậy, Thục Phán còn gây tiếp một tội ác trời đất không thể dung tha, đó là đổ lỗi cho con, cầm dao đâm chết con rồi một mình tẩu thoát theo Thần Kim Quy, bỏ lại xác con trên đường. Dù đó không phải là sự thật lịch sử mà chỉ là sự tôn tại truyền thuyết thì cũng là điều không thể chấp nhận.

Nếu so với nhà nước Văn Lang của các vua Hùng thời Hồng Bàng thì trình độ nhà nước Âu lạc của Thục Phán là giai đoạn phát triển hoàn chỉnh và rực rỡ hơn nhiều. Nhưng đây cũng là dấu chấm cuối cùng.

Con người Thục Phán - An Dương Vương là khối kết mẫu thuẫn khổng lồ. Bên cạnh một Thục Phán thao lược, quảng đại, biết quy tụ hiền tài xây dựng và vươn tới thì lại có một Thục Phán ngây thơ và thiếu cảnh giác, đặt niềm tin mơ hồ vào lời hứa của kẻ đang rắp tâm thôn tính. Đằng sau một An Dương Vương kinh bang tế thế với những kỳ quan chưa từng có lại là một An Dương Vương cố chấp, ích kỷ và tàn nhẫn. Từ chính sử đến dã sử, chưa một ông vua nào cầm dao giết con, trừ ông ta. Cái vĩ nhân, cái tiểu nhân, cái tài hoa, cái vô đạo, cái thao lược và cái ngu xuẩn tồn tại ngay trong một con người. Việc Thục Phán được Thần Kim Quy cho đi về cõi vô tận như truyền thuyết để lại có đồng nghĩa với sự hoá thân của một thiên nhân kiểu Thánh Gióng và nhiều nhân vật huyền thoại khác hay không, có lẽ ta nên xem lại, kiểm chứng lại ngay cái xuất xứ của truyền thuyết. Con người này không xứng đáng được hưởng cái vinh hạnh bất diệt ấy trong lòng dân gian.

Tương tự trường hợp vua Hùng thứ tư bắt con trai Mai an Tiêm lưu đầy hoang đảo, An Dương Vương Thục Phán, tuy không là trực hệ của các Hùng Vương, nhưng là một sự kế ngôi liền mạch và đúng thể thức, đã trở thành kẻ hôn quân vô đạo bậc nhất ở thời đại các vua Hùng. Sự phát triển lịch sử với những ưu khuyết, thịnh suy, nhân ái và bạo tàn xen kẽ và loại trừ lẫn nhau là lẽ tất yếu của tiến trình phát triển, không chiểu cố ngoại lệ thời đại Hùng vương thiêng liêng, bất khả xâm phạm như chúng ta vẫn lầm tưởng.

Đây là tính khách quan của lịch sử, là sự công minh của tâm linh người xưa được thể hiện trong truyền thuyết tặng hậu thế.

2. Ảnh hưởng thời Bắc thuộc

Khi bàn về những ảnh hưởng qua lại của văn hoá Hoa và văn hoá Việt trong thời kỳ Bắc thuộc kéo dài

nghìn năm (từ năm 111 tr. CL đến năm 938) cũng tồn tại khá nhiều cách hiểu.

Một số học giả xuất phát từ việc nhìn nhận chưa thoả đáng và toàn diện về trình độ văn hoá Việt cổ thời Hùng vương, nhất là trong lĩnh vực ngôn ngữ và chữ viết nên đã nghiêng về thiên hướng đánh giá cao những ảnh hưởng từ Trung quốc trong thời kỳ Bắc thuộc. Theo họ, các nhân vật Tích Quang, Nhâm Diên, Đỗ Tuệ Độ làm thái thú Cửu Chân, Giao chỉ đã đóng góp vào việc khai sáng dân tộc theo một số mô típ lễ nghĩa đang có bên tàu. Đáng chú ý nhất trong các quan lại Trung hoa thời kỳ này là Sĩ Nhiếp, người đã làm thái thú quận Giao chỉ 40 năm (187 - 226) đã mở mang một số trường lớp dạy chữ cho người Nam, được tôn vinh là "Nam bang học tổ". Đồng thời một số người Việt Nam cũng sang Trung quốc du học mà tiêu biểu là Trương Trọng, Lý tiến, Lý Cầm, Khương Công Phụ. Có người đã đỗ tiến sĩ như Khương Công Phụ v.v.

Những tài liệu dẫn chứng còn lại về sự khai hoá mà Phương Bắc mang đến trong suốt đêm trường bắc thuộc thật không đáng là bao so với một dân tộc có dân số cả triệu người và một vùng lãnh thổ trải rộng suốt bắc nam, từ núi rừng đến biển cả lại đã có một trình độ văn minh rực rỡ trước đó. Dân tộc ta đã đắm chìm trong sự lạc hậu. Quan điểm đề cao giá trị khai sáng của Trung Hoa trong thời kỳ bắc thuộc không thể chấp nhận trên phương diện hiện thực và khoa học, đó là chưa nói đến phương diện chính trị thông thường.

Các cuộc khởi nghĩa diễn ra liên miên đã trả lời cho vấn đề. Sự phân uất đến tột độ thể hiện trong tư tưởng của hai liệt nữ Trưng Trắc - Trưng Nhị. Chứng minh khá chân thực bản chất hà khắc tàn bạo của chế độ đô hộ. Việt Nam lúc đó chỉ là một thuộc địa ngoại biên của Trung Hoa, là nơi khai thác của cải và bóc lột sức người. Những dấu hiệu về học hành, trường lớp, chữ nghĩa mà chúng ta nhận được chỉ là sự phát triển tự nhiên của quá trình vận động xã hội, thoát ly vòng cương toả. Dù muốn hay không muốn thì việc giao lưu, cho, nhận vẫn diễn ra, đó là nguyên tắc của sự sống.

Nền văn minh Hồng Bàng với thiết chế Nhà nước thời Văn Lang - Âu lạc bị tiêu diệt, tha hoá và chỉ còn lại những mảnh rời tăn mạn trong lòng các cộng đồng làng xã Việt cổ dưới hình thức văn hoá dân gian không chính thống.